Phụ lục II

DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG LĨNH VỰC KIỂM LÂM, LÂM NGHIỆP THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ TỈNH LẠNG SƠN

(Kèm theo Quyết định số 1154/QĐ-UBND ngày 24 /5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC XÂY DỰNG QUY TRÌNH NỘI BỘ THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG (07 TTHC)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (02 TTHC)

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
I	**LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP (02 TTHC)**	
01	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh, các cơ quan liên quan
02	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý	

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (01 TTHC)

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
I	**LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP (01 TTHC)**	
01	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	Phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện; UBND cấp huyện, các cơ quan liên quan, UBND cấp tỉnh.

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (01 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
I	**LĨNH VỰC KIỂM LÂM (01 TTHC)**	
01	Quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư	UBND cấp huyện, UBND cấp xã, Hạt kiểm lâm,

Phần II
QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG

CỤM TỪ VIẾT TẮT:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công: TTPVHCC;
- Công chức Bộ phận Một cửa: CCMC;
- Thủ tục hành chính: TTHC;
- Ủy ban nhân dân: UBND
- Chi cục Kiểm lâm: CCKL
- Kiểm lâm: KL.
- Công chức: CC
- Nông nghiệp và Môi trường: NN&MT;
- Kế hoạch - Tài Chính: KH-TC
- Sử dụng và phát triển rừng: SD&PTR
- Quản lý, bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên: QLBVR&BTTN

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP (02 TTHC)

1. Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý

Thời gian thực hiện TTHC sau cắt giảm: 31 ngày.

(Thời gian thực hiện theo quy định: 45 ngày, thời gian đã cắt giảm: 14 ngày)

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ; ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ đến văn thư CCKL; văn thư CCKL chuyển Lãnh đạo CCKL; Lãnh đạo CCKL chuyển Phòng SD&PTR	CCMC của Sở tại TTPVHCC/Văn thư CCKL/Lãnh đạo CCKL	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	1/4 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B3	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Tham mưu lãnh đạo CCKL trình Sở NN&MT ban hành văn bản gửi chủ rừng để hoàn thiện và nêu rõ lý do (*Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ*). - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Chuẩn bị hồ sơ, dự thảo văn bản của Sở gửi lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, trình Lãnh đạo phòng SD&PTR.	Công chức Phòng SD&PTR	2,5 ngày
B4	Xem xét hồ sơ và văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Chi cục	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	1/2 ngày
B5	Xem xét hồ sơ và văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Sở NN&MT(qua phòng KHTC)	Lãnh đạo CCKL	1/2 ngày
B6	Kiểm tra hồ sơ và văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Phòng KH-TC	1/2 ngày
B7	Xem xét, ký duyệt văn bản và hồ sơ gửi lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan	Lãnh đạo Sở NN&MT	1/2 ngày
B8	Ý kiến thẩm định bằng văn bản gửi Sở NN&MT	Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan	10 ngày
B9	Tổng hợp ý kiến thẩm định, hoàn thành công tác thẩm định; dự thảo Tờ trình của Sở NN&MT kèm theo hồ sơ.	Công chức Phòng SD&PTR	4,5 ngày
B10	Xem xét, kiểm tra hồ sơ và dự thảo Tờ trình, trình Lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	1/2 ngày
B11	Xem xét, kiểm tra hồ sơ và dự thảo Tờ trình, trình Sở NN&MT (qua phòng KH-TC)	Lãnh đạo CCKL	01 ngày
B12	Xem xét, kiểm tra hồ sơ và dự thảo Tờ trình, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Phòng KH-TC	01 ngày
B13	Xem xét, ký duyệt Tờ trình; trình Chủ tịch UBND tỉnh.	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B14	- Xem xét, ký duyệt Quyết định; - Chuyển kết quả tới TTPVHCC.	Chủ tịch UBND tỉnh	08 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B15	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi.	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			**31 ngày**

2. Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý

Thời gian thực hiện TTHC: 31 ngày

(Thời gian thực hiện theo quy định: 45 ngày, thời gian đã cắt giảm: 14 ngày)

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ; ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ đến văn thư CCKL; văn thư CCKL chuyển Lãnh đạo CCKL; Lãnh đạo CCKL chuyển Phòng SD&PTR	CCMC của Sở tại TTPVHCC/Văn thư CCKL/Lãnh đạo CCKL	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	1/4 ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Tham mưu lãnh đạo CCKL trình Sở NN&MT ban hành văn bản gửi chủ rừng để hoàn thiện và nêu rõ lý do (*Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ*). - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Chuẩn bị hồ sơ, dự thảo văn bản của Sở gửi lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, trình Lãnh đạo phòng SD&PTR.	Công chức Phòng SD&PTR	2,5 ngày
B4	Xem xét hồ sơ và văn bản xử lý, trình Lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	1/2 ngày
B5	Xem xét hồ sơ và văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Sở NN&MT (qua phòng KH-TC)	Lãnh đạo CCKL	1/2 ngày
B6	Kiểm tra hồ sơ và văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Phòng KH-TC	1/2 ngày
B7	Xem xét, ký duyệt văn bản và hồ sơ gửi lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan, tổ chức,	Lãnh đạo	1/2 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	cá nhân có liên quan	Sở NN&MT	
B8	Ý kiến thẩm định bằng văn bản gửi Sở NN&MT	Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan	10 ngày
B9	Tổng hợp ý kiến thẩm định, hoàn thành công tác thẩm định; dự thảo Tờ trình của Sở NN&MT kèm theo hồ sơ.	Công chức Phòng SD&PTR	4,5 ngày
B10	Xem xét, kiểm tra hồ sơ và dự thảo Tờ trình, trình Lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	1/2 ngày
B11	Xem xét, kiểm tra hồ sơ và dự thảo Tờ trình, trình Sở NN&MT (qua phòng KH-TC)	Lãnh đạo CCKL	01 ngày
B12	Xem xét, kiểm tra hồ sơ và dự thảo Tờ trình, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Phòng KH-TC	01 ngày
B13	Xem xét, ký duyệt Tờ trình; trình Chủ tịch UBND tỉnh.	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B14	- Xem xét, ký duyệt Quyết định; - Chuyển kết quả tới TTPVHCC.	Chủ tịch UBND tỉnh	08 ngày
B15	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi.	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			**31 ngày**

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP (01 TTHC)

1. Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân.

Thời gian thực hiện TTHC: 14 ngày.

(Thời gian thực hiện theo quy định: 20 ngày, thời gian đã cắt giảm: 06 ngày)

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ. Chuyển hồ sơ đến Phòng NN&MT cấp huyện	CCMC cấp huyện	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng NN&MT cấp huyện	1/4 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B3	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, thông báo bằng văn bản cho chủ rừng trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Tham mưu xác minh hồ sơ.	Chuyên viên Phòng NN&MT cấp huyện	01 ngày
B4	Tham mưu UBND cấp huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức xác minh hồ sơ: - Trường hợp không hỗ trợ lãi suất tín dụng: lập biên bản xác minh, báo cáo xác minh và dự thảo văn bản của UBND tỉnh thông báo nêu rõ lý do cho cá nhân/hộ gia đình nộp hồ sơ biết. - Trường hợp hỗ trợ lãi suất tín dụng: lập biên bản xác minh, báo cáo xác minh, dự thảo quyết định của UBND tỉnh hỗ trợ lãi suất tín dụng	Phòng NN&MT cấp huyện, các cơ quan liên quan	5,5 ngày
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo UBND cấp huyện	1,5 ngày
B6	Xem xét, ký ban hành quyết định phê duyệt hỗ trợ tín dụng/Văn bản trả lời không hỗ trợ; Chuyển kết quả tới UBND cấp huyện.	Lãnh đạo UBND tỉnh	05 ngày
B7	Chuyển kết quả giải quyết cho CCMC cấp huyện.	Văn thư UBND cấp huyện	1/2 ngày
B8	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê, theo dõi.	CCMC cấp huyện	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		**14 ngày**

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ LĨNH VỰC KIỂM LÂM (01 TTHC)

1. Quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư.

- Thời gian thực hiện TTHC: 35 ngày.

(Thời gian thực hiện theo quy định: 50 ngày, thời gian đã cắt giảm: 15 ngày)

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả, chuyển hồ sơ đến lãnh đạo UBND cấp xã.	CCMC cấp xã	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo UBND cấp xã	1/4 ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do (*trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ*). - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Tham mưu UBND cấp xã chuyển đề nghị giao rừng của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư gửi đến Hạt Kiểm lâm cấp huyện.	Công chức chuyên môn UBND cấp xã	4,5 ngày
B4	Kiểm tra nội dung giao rừng, kiểm tra hiện trạng khu rừng tại thực địa: - Phối hợp với Phòng NN&MT kiểm tra nội dung giao rừng, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức kiểm tra hiện trạng khu rừng tại thực địa; - Lập Tờ trình kèm theo hồ sơ trình UBND cấp huyện xem xét, quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư. - Trường hợp không đủ điều kiện, Hạt Kiểm lâm cấp huyện trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Hạt Kiểm lâm cấp huyện	19 ngày
B5	- Xem xét, quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; Trường hợp không đủ điều kiện quyết định, ban hành văn bản trả lời và nêu rõ lý do. - Chuyển kết quả đến Hạt Kiểm lâm, UBND cấp xã.	Lãnh đạo UBND cấp huyện	04 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B6	Tổ chức bàn giao rừng tại thực địa cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.	Hạt Kiểm lâm cấp huyện, UBND cấp xã	07 ngày
B7	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi.	CCMC cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			**35 ngày**